

Số: /KH-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH**Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Tuy Phước.**

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

UBND huyện xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Tuy Phước, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Giúp các ngành, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đánh giá kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội giảm nghèo bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 (viết tắt là Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg);

- Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 để làm cơ sở cho các cấp, các ngành và các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thu nhập trung bình trên địa bàn huyện năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP).

2. Yêu cầu

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phải thật sự khách quan, đảm bảo tính chính xác, công khai và có sự tham gia của người dân.

- Tiến hành từng bước, đúng quy định quy trình rà soát. Việc thực hiện rà soát phải thực hiện từ thôn/khu phố, xã, thị trấn; khi rà soát thu thập thông tin phải chính xác và đầy đủ, không được bỏ sót các chỉ tiêu của phiếu rà soát, đặc biệt là phải tính toán đúng, đủ theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều, để đánh giá đúng thực trạng từng hộ tại cơ sở, nhằm có các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội phù hợp cho từng nhóm đối tượng.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Tiêu chí

a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg.

b) Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

2. Đối tượng, phạm vi

- Hộ dân cư đang sinh sống trên địa bàn quản lý.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

3. Phương pháp rà soát, xác định

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo qua khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình (*tài sản, điều kiện sống*) để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo với chuẩn nghèo theo quy định.

- Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là xác định thu nhập của hộ trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

4. Thời điểm thực hiện rà soát

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Định kỳ mỗi năm một lần: Thực hiện từ ngày 01/9/2021 cho đến hết ngày 14/12/2021.

- Rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo thường xuyên: Mỗi tháng 01 lần thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

b) Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

5. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

5.1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020

- Thực hiện quy trình rà soát theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TB&XH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - TB&XH sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TB&XH hướng

dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Các biểu mẫu, phiếu điều tra được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH.

5.2. Quy trình tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025

a) Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với các thôn/khu phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát:

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm rà soát;

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (*viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*);

- Chủ động phát hiện, rà soát những hộ gia đình gặp khó khăn biến cố rủi ro trong năm, đề hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

b) Tổ chức rà soát phân loại hộ gia đình

*** Tổ chức rà soát**

+ Rà soát viên sử dụng Phiếu A ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - TB&XH (*viết tắt là Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH*) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp hộ **có dưới 04 tiêu chí** từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát;

+ Danh sách cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

+ Rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III (*gồm: Phiếu B1 và Phiếu B2*) ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin chấm điểm hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát (*Phụ lục I*);

+ Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn sử dụng Phiếu A, Phiếu B.

*** Phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả rà soát thu thập thông tin**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định và phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả rà soát, thu thập thông tin từ phiếu B:

+ *Hộ nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm.*

+ *Hộ nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm.*

+ *Hộ cận nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm.*

+ Hộ cận nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm.

c) Tổ chức họp lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã; Trưởng thôn (*chủ trì họp*), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và đại diện một số hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự về kết quả đánh giá tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thì tổ chức thực hiện rà soát lại và lấy ý kiến kết quả rà soát lại*).

- Kết quả cuộc họp lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện các hộ dân (*01 bản lưu ở thôn/khu phố và 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã*).

d) Niêm yết thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại trụ sở UBND cấp xã, Nhà văn hóa cấp xã, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn/khu phố và thông báo trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại trụ sở UBND cấp xã, Nhà văn hóa cấp xã, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn/khu phố và thông báo trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (*nếu có*), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (*sau khi rà soát*).

đ) Báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND huyện

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện (*qua Phòng Lao động - TB&XH huyện*) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Phòng Lao động - TB&XH huyện thẩm định và tham mưu Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản cho địa phương.

e) Công nhận hộ nghèo, cận nghèo và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐTTg.

g) Tổng hợp báo cáo

- Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp báo cáo kết quả sơ bộ, chính thức hằng năm trên địa bàn cho UBND huyện theo các biểu mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐT BXH.

- Chủ tịch UBND huyện tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ, chính thức hằng năm trên địa bàn cho Chủ tịch UBND tỉnh (*qua Sở Lao động - TB&XH*) theo các biểu mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐT BXH.

5.3. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

a) Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, thoát hộ cận nghèo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã.

b) Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo các bước, quy trình hướng dẫn nêu trên; quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (*nếu có khiếu nại*) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. THỜI GIAN BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHEÒ, HỘ CẬN NGHEÒ

1. Cấp xã

- Báo cáo kết quả rà soát sơ bộ trước ngày 02/11/2021 và kết quả chính thức trước ngày 05/12/2021 cho Chủ tịch UBND huyện.

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trong năm 2022 (nếu có): Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9) Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn.

2. Cấp huyện

- Báo cáo kết quả sơ bộ trước ngày 10/11/2021 cho Sở Lao động - TB&XH và kết quả chính thức trước ngày 15/12/2021 cho Chủ tịch UBND tỉnh (gửi 01 bản cho Sở Lao động - TB&XH để tổng hợp chung).

- Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trong năm 2022 (nếu có) cho Chủ tịch UBND tỉnh (gửi 01 bản cho Sở Lao động - TB&XH để tổng hợp, theo dõi).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn đảm bảo xã hội năm 2021.
2. Nguồn ngân sách của các địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành.
3. Nguồn kinh phí hỗ trợ của tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - TB&XH huyện

- Chủ trì, tham mưu UBND huyện tổ chức triển khai Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện; thành lập Ban Chỉ đạo rà soát cấp huyện; dự trù kinh phí, in tài liệu tập huấn, phiếu điều tra, phôi sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp cho các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện Kế hoạch đạt kết quả; tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Phân công cán bộ giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện rà soát ở các xã, thị trấn; thẩm định kết quả rà soát do các xã, thị trấn gửi lên. Trường hợp thấy số liệu phản ánh chưa đúng tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại, phản ánh của công dân thì tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát của địa phương đó.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo 02 chuẩn nghèo (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg và Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) tới các tầng lớp Nhân dân và các cấp chính quyền nhất là cấp xã, để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Tổng hợp trình UBND huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện và báo cáo kết quả rà soát của huyện về UBND tỉnh, Sở Lao động - TB&XH, Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh theo các mẫu biểu và thời gian quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

2. Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện

Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH huyện và các ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các thành viên trong Ban Chỉ đạo và Tổ giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện.

- Có trách nhiệm theo dõi, nắm tiến độ rà soát của xã, thị trấn phụ trách và thường xuyên báo cáo cho Ban Chỉ đạo huyện (*qua Phòng Lao động - TB&XH huyện*) biết, để kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, nhằm đảm bảo thực hiện Kế hoạch hoàn thành đúng thời gian quy định.

4. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch của huyện, xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn; ***bố trí kinh phí từ ngân sách theo phân cấp*** để tổ chức thực hiện Kế hoạch đạt kết quả.

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 cấp xã theo cơ cấu thành phần được quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Ban Chỉ đạo cấp xã có nhiệm vụ:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn.

+ Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo 02 chuẩn nghèo (*Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg và Nghị định số 07/2021/NĐ-CP*) tới các tầng lớp Nhân dân để biết, tham gia thực hiện.

+ Tiếp nhận và phân bổ tài liệu tập huấn, biểu mẫu điều tra, rà soát cho các thôn/khu phố và rà soát viên.

+ Lựa chọn lực lượng rà soát viên (*bao gồm cán bộ cấp xã, thôn, khu phố, hội, đoàn thể, ...*) và tổ chức họp, bình xét công khai, dân chủ.

+ Họp xét duyệt, tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ

cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo các mẫu biểu quy định gửi về Ban Chỉ đạo huyện (*qua Phòng Lao động - TB&XH huyện*) đúng thời gian quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Lập danh sách đề nghị cấp BHYT cho người nghèo đúng quy định và gửi về Phòng Lao động - TB&XH huyện **chậm nhất ngày 25/12/2021**.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Tuy Phước, yêu cầu thủ trưởng các phòng, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo rà soát của huyện, UBND các xã, thị trấn phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả và hoàn thành đúng thời gian quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND huyện (*qua Phòng Lao động - TB&XH huyện*) để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND huyện xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH (*biết*);
- TT HU, HĐND huyện (*b/cáo*);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận, hội đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành liên quan;
- TV BCĐ rà soát cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, CVVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Tân